

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST

Ngày 06-3-2024

V/v ly hôn, nuôi con chung giữa
anh M và chị S

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ninh Văn Trung;

Ông Nguyễn Tất Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Văn Vĩ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 394/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phùng Văn M, sinh năm 1985 “vắng mặt”.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị S, sinh năm 1986 “vắng mặt”.

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2023 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Phùng Văn M trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị S kết hôn từ năm 2007, kết hôn trên cơ sở được tự nguyện, không bị ai ép buộc. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L và được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại thôn G, xã T, huyện L. Quá

trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong phát triển kinh tế và nuôi dạy con, vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay không còn quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh và chị Hoàng Thị S.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phùng Anh M, sinh ngày 08/9/2006; cháu Phùng M H, sinh ngày 23/5/2010. Ly hôn nguyện vọng của anh M được nuôi hai con chung không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn chị Hoàng Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác định thời gian chị và anh M cưới nhau, về chung sống, cưới có đăng ký kết hôn; Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn như anh M trình bày trên là đúng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh M có đơn yêu cầu ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như lời trình bày trên của anh M là đúng. Sau khi ly hôn chị đồng ý để anh M trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh M không yêu cầu chị nhất trí.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa anh M, chị S đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phùng Văn M: Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phùng Văn M và chị Hoàng Thị S. Về nuôi con chung: Giao anh M trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Phùng Anh M; cháu Phùng M H. Ngoài ra còn đề xuất về án phí, quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Phùng Văn M có đơn ly hôn với chị Hoàng Thị S, chị S có địa chỉ tại thôn G, xã T, huyện L; Căn cứ vào Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố

tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang; Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh M, chị S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, hai bên được tự do tìm hiểu và được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương; Vợ chồng cưới nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, khi kết hôn đảm bảo các điều kiện kết hôn, không vi phạm điều cấm theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thì thấy, anh M trình bày vợ chồng mâu thuẫn dẫn đến tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị S. Đối với chị S cũng xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa và cũng đồng ý ly hôn với anh M. Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành. Vì vậy xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh M và chị S đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh M, cho anh M ly hôn với chị S theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung, hiện cả hai con đều đang do anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị S đồng ý sau khi ly hôn giao anh M nuôi dưỡng cả hai con. Tòa án lấy lời khai của con trên 7 tuổi, nguyện vọng của cháu Phùng Anh M, cháu Phùng M H đều có nguyện vọng được ở với bố. Vì vậy căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung cháu Phùng Anh M, cháu Phùng M H. Về cấp dưỡng anh M không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét và giải quyết.

[5] Về án phí: Anh M là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phùng Văn M.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phùng Văn M và chị Hoàng Thị S.

2. Về con chung: Giao anh Phùng Văn M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phùng Anh M, cháu Phùng M H cho đến khi các con đủ 18 tuổi; đến khi có sự thay đổi nào khác theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn chị Hoàng Thị S được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Anh Phùng Văn M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000509 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện L;
- Công thông tin điện tử tòa án;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh